

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG Y SĨ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDYT ngày tháng năm 2023  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai)

**Tên ngành, nghề:** Y SĨ ĐA KHOA

**Mã ngành, nghề:** 6720101

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng

**Hình thức đào tạo:** Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

**Thời gian đào tạo:** 3 năm học

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung:**

Đào tạo người Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng có phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có y đức cao và lối sống lành mạnh, có kiến thức, năng lực chuyên môn và đủ sức khỏe để hành nghề khám và chữa bệnh trong phạm vi quy định của trình độ cao đẳng, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về lâm sàng và cộng đồng, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, có khả năng tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học y học trong bảo vệ sức khỏe nhân dân.

**1.2. Mục tiêu cụ thể:**

**1.2.1. Về kiến thức:**

- Trình bày được đặc điểm giải phẫu, cấu trúc, cơ chế hoạt động của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.
- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng, chẩn đoán và hướng điều trị cho người bệnh.
- + Đánh giá và phân tích được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường và các yếu tố tâm lý- xã hội.
- + Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng để chẩn đoán các tình trạng bệnh lý.
- + Giải thích được các phương pháp, các kỹ thuật dùng để điều trị và chăm sóc người bệnh.
- Phân tích được các đặc điểm về vi sinh, ký sinh, dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chẩn đoán, điều trị và dự phòng cho người bệnh;
- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;
- Phân tích được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### 1.2.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề

+ Thực hiện được các kỹ năng thăm khám để phát hiện các triệu chứng bệnh lý và các vấn đề sức khỏe.

+ Chỉ định và phân tích được kết quả các xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản.

+ Chẩn đoán được một số bệnh thông thường.

+ Xử trí được một số tình trạng cấp cứu thường gặp.

- Kỹ năng nghiên cứu và khám phá

+ Có khả năng hình thành giả thuyết nghiên cứu.

+ Có kỹ năng thu thập thông tin.

+ Thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học.

+ Có kỹ năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tế.

- Kỹ năng tư duy theo hệ thống

+ Phân tích được mối liên quan sức khỏe với các yếu tố môi trường, văn hóa, kinh tế- xã hội.

+ Xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên.

+ Phân tích sự lựa chọn giữa các vấn đề và tìm ra cách giải quyết.

+ Có tư duy phân tích đa chiều các vấn đề sức khỏe, bệnh tật.

- Bối cảnh tổ chức

+ Phân tích được đặc điểm, tình hình của đơn vị.

+ Xây dựng kế hoạch và phát triển đơn vị.

+ Tạo được mối liên hệ với các đối tác chủ yếu.

- Vận dụng kiến thức vào thực tiễn

+ Áp dụng và thực hiện được các kỹ thuật, thủ thuật trong lâm sàng.

+ Sử dụng được các thiết bị cơ bản trong đơn vị.

+ Phát hiện được những vấn đề mới trong chuyên môn.

- Năng lực sáng tạo, phát triển và khả năng thay đổi trong chuyên môn.

+ Cải tiến các kỹ thuật trong chăm sóc, điều trị.

+ Cập nhập được các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công việc.

+ Có năng lực làm việc các vị trí khác nhau trong đơn vị.

-Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

+ Tổ chức, phân công công việc trong đơn vị.

+ Đánh giá hoạt động của cá nhân và tập thể.

+ Liên kết được với các đối tác chủ yếu.

- Kỹ năng giao tiếp
- + Sắp xếp được các ý tưởng, nội dung giao tiếp.
- + Giao tiếp được bằng văn bản, qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông
- + Khả năng thuyết trình phù hợp.
- + có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân: tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân, trao đổi và chia sẻ với đồng nghiệp...
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### *1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Kỹ năng tự chủ
- + Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý.
- + Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc.
- + Học và tự học, tự nghiên cứu suốt đời.
- + Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.
- Kỹ năng làm việc nhóm
- + Xây dựng, điều hành nhóm làm việc hiệu quả.
- + Liên kết được các nhóm.
- Thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, tận tụy với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh. Trung thực, khách quan, thận trọng trong thực hiện các công việc chuyên môn.
- Ý thức trách nhiệm cao, tác phong làm việc nghiêm túc trong việc thực hiện chăm sóc sức khỏe người bệnh.
- Ân cần, giải thích, an ủi, động viên người bệnh và thân nhân trong quá trình điều trị và chăm sóc người bệnh.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng, người học có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, tham gia nghiên cứu khoa học và quản lý; đáp ứng yêu cầu công việc tại các vị trí sau:

- + Tại đơn vị khám chữa bệnh tuyến cơ sở công lập và tư nhân, trạm y tế xã, phường.
- + Làm công tác chuyên môn Y tế trường học, Y tế cơ quan...

### **2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:**

- Số lượng môn học: 38 môn học
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 104 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2250 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 855 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1830 giờ.

### 3. Nội dung trình:

STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				
				Tổng số	Trong đó			
					Lý thuyết	Thực hành	Thực tập lâm sàng	Kiểm tra
	<b>I</b>	<b>Các môn học chung bắt buộc</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>165</b>	<b>270</b>		
1		Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	0	5
2		Giáo dục quốc phòng	4	75	36	35	0	4
3		Pháp luật	2	30	18	10	0	2
4		Giáo dục thể chất	2	60	5	51	0	4
5		Anh văn	5	120	42	72	0	6
6		Tin học	3	75	15	58	0	2
		<b>Tổng</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>0</b>	<b>23</b>
	<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>						
	<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>26</b>	<b>540</b>	<b>255</b>	<b>240</b>	<b>45</b>	
7		Tiếng anh chuyên ngành	1	30	0	29	0	1
8		Giải phẫu – Sinh lý – Sinh lý bệnh - Miễn dịch	5	90	56	29	0	5
9		Vi sinh – Ký sinh trùng – Hoá sinh	2	45	14	29	0	2
10		Điều dưỡng cơ sở - Kiểm soát nhiễm khuẩn	4	105	28	29	44	4
11		Giao tiếp GDSK trong thực hành chuyên ngành	2	45	14	29	0	2
12		Dinh dưỡng – Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	30	28	0	0	2
13		Y đức - Tổ chức y tế	2	30	28	0	0	2
14		Dược lý	2	45	14	29	0	2
15		Dịch tễ học - Sức khoẻ môi trường	2	30	28	0	0	2
16		Mô phôi-Giải phẫu bệnh	2	45	14	29	0	2

17		Nghiên cứu khoa học	2	45	14	29	0	2
		<b>Tổng</b>	<b>26</b>	<b>540</b>	<b>238</b>	<b>232</b>	<b>44</b>	<b>26</b>
	<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>54</b>	<b>1590</b>	<b>405</b>	<b>60</b>	<b>1125</b>	
18		Bệnh nội khoa 1	3	45	42	0	0	3
19		Bệnh nội khoa 2	3	45	42	0	0	3
20		Bệnh ngoại khoa	4	60	56	0	0	4
21		Sức khoẻ trẻ em	3	45	42	0	0	3
22		Bệnh truyền nhiễm	3	45	42	0	0	3
23		Bệnh chuyên khoa	3	45	42	0	0	3
24		Sức khoẻ sinh sản	2	30	28	0	0	2
25		Cấp cứu ban đầu	2	30	28	0	0	2
26		Phục hồi chức năng – Y học cổ truyền	3	60	28	29	0	3
27		Thực tập lâm sàng PHCN- Y học cổ truyền	2	90	0	0	88	2
28		Thực hành tiền lâm sàng	1	30	0	29	0	1
29		Thực tập lâm sàng Nội khoa	3	135	0	0	132	3
30		Thực tập lâm sàng Ngoại khoa	3	135	0	0	132	3
31		Thực tập lâm sàng Nhi khoa	3	135	0	0	132	3
32		Thực tập lâm sàng Sản – Phụ khoa	2	90	0	0	88	2
33		Thực tập lâm sàng nội - nhiễm	2	90	0	0	88	2
34		Thực tập lâm sàng chuyên khoa	2	90	0	0	88	2
35		Y tế cộng đồng	4	120	28	0	88	4
36		Thực tế tốt nghiệp	6	270	0	0	264	6
		<b>Tổng</b>	<b>54</b>	<b>1590</b>	<b>378</b>	<b>58</b>	<b>1100</b>	<b>54</b>
	<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn</b>	<b>4</b>	<b>120</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	
	<b>II.3.1</b>	<b>Chuyên đề 1: Bệnh chuyên khoa nâng cao</b>						
37		Bệnh chuyên khoa nâng cao	2	30	28	0	0	2

38		Thực tập lâm sàng bệnh chuyên khoa nâng cao	2	90	0	0	88	2
	<b>II.3. 2</b>	<b>Chuyên đề 2: Châm cứu</b>						
37		Châm cứu	2	30	28	0	0	2
38		Thực tập lâm sàng châm cứu	2	90	0	0	88	2
		<b>Tổng các môn học chuyên môn</b>	<b>84</b>	<b>2250</b>	<b>644</b>	<b>320</b>	<b>1234</b>	<b>84</b>
		<b>TỔNG KHÓA HỌC</b>	<b>104</b>	<b>2685</b>	<b>855</b>	<b>570</b>	<b>1260</b>	

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc: Theo quy định hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Hội thảo/sinh hoạt ngoại khoá trao đổi kinh nghiệm học tập và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp được tổ chức mỗi học kỳ/lần.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

- Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học.

- Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.